

Phú Kinh đô đời Hán (Qua phiên dịch, khảo cứu Lương Đô phú của Ban Cố và Nhị Kinh phú của Trương Hành) : Luận văn ThS / Phạm Ánh Sao ; Nghd. : PGS.TS. Nguyễn Kim Sơn . - H. : ĐHKHXH&NV, 2008 . - 200 tr. + CD-ROM + tóm tắt

1. Lý do chọn đề tài:

- Phú là văn thể có nguồn gốc từ văn học TQ, sau đó được tiếp nhận ở VN. Từng là văn thể mang tính đại diện cho văn học của một thời đại - đời Hán ở TQ, cũng từng là một trong những văn thể được dùng trong khoa cử và trong trước tác văn chương, song cả ở TQ và ở VN, phú đều bị “đổi xử” bất bình thường. Nếu ở TQ, trước năm 1979, đặc biệt trong 10 năm xảy ra Đại CMVH (1966-1976), phú thể vật đời Hán (tiêu biểu là **kinh đô phú**) bị coi là căn bã của chế độ phong kiến; thì ở VN, tuy may mắn không bị hắt hủi, song phú cũng ít được đề cập tới (ngoài một số bài có nội dung chống ngoại xâm, ngợi ca dân tộc). Chúng tôi nhìn nhận rằng, đó là hiện tượng văn hóa và văn học đặc biệt, cần phải được nhận thức và lý giải, nhất là trong tình hình xã hội tốt đẹp như ngày nay. Vì sao những tác phẩm kinh đô phú cỡ lớn ở TQ khi thì được ngợi ca, khi thì bị phê phán? Nguyên nhân gì khiến nó có số phận lạ kỳ như vậy? Quả thực, đó chính là nguyên do đầu tiên thôi thúc chúng tôi lựa chọn đề tài nghiên cứu về phú.

- Thế nhưng, cũng thật bất ngờ, vào lúc xuất hiện những thắc mắc trên, chúng tôi chợt giật mình nhận ra, ngay cả kiến trúc sơ đẳng về đối tượng: “phú là gì vậy”, chúng tôi cũng chưa hề biết. Do vậy, mặc dù kho từ phú đồ sộ của cha ông ta đang nằm im dưới lớp bụi thời gian, rất cần được khai thác, song chúng tôi đã buộc phải ngược lên tận đầu nguồn của dòng sông từ phú nhằm học tập và tích lũy tri thức. Logic nghiêm ngặt của công việc nghiên cứu khoa học đó đã mách bảo chúng tôi đến với Hán phú, từ đó xác định được bước đột phá khẩu cho công việc lâu dài gian khó của mình, đó là nghiên cứu **kinh đô phú** đời Hán.

- Kinh đô phú đời Hán chỉ là một trong số thể tài của phú thể vật đời Hán, tuy nhiên, nó được coi là bộ phận tiêu biểu nhất, chứa đựng những đặc trưng cơ bản của văn thể phú; do vậy, chắc chắn sẽ giúp chúng tôi tích lũy kinh nghiệm, thỏa mãn khát vọng trở lại nghiên cứu văn thể này của dân tộc ta.

- Trong bước đi ban đầu, chúng tôi buộc phải chọn “mẫu” để thực hiện dự án nghiên cứu của mình. Những ám ảnh ban đầu về số phận của loại phú cỡ lớn dẫn chúng tôi đến với *Lương đô phú* của Ban Cố và *Nhị kinh phú* của Trương Hành. Sự kính ngưỡng đối với hai bộ óc bách khoa của thời đại, sức hấp dẫn ma quái của hai tác phẩm đồ sộ khiến chúng tôi không sao cưỡng nổi khi đặt bút lựa chọn đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu cho Luận văn của mình. Quả thực, chúng tôi đã không lường trước được hết khó khăn và trở ngại khi đối diện với hai ngọn đại sơn, tuy nhiên cho đến giờ, chúng tôi vẫn không thấy ân hận về sự lựa chọn của mình.

2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:

- Đối tượng nghiên cứu của Luận văn chính là đặc điểm văn thể của kinh đô phú đời Hán thông qua khảo sát hai văn bản tác phẩm tiêu biểu là *Lương đô phú* của Ban Cố và *Nhị kinh phú* của Trương Hành.

- Phương pháp nghiên cứu: trên bình diện lý thuyết, tùy đối tượng nghiên cứu của từng chương mà chúng tôi lựa chọn cách tiếp cận thích hợp. Chương 1 vì tìm hiểu tác động của những nhân tố ngoài văn học nên chủ yếu, chúng tôi tìm kiếm cách lý giải của phương pháp xã hội học văn học Mác-xít nhằm tìm hiểu quá trình hình thành, diễn tiến và định hình của đối tượng nghiên cứu. Chương 2 vì tìm hiểu tác động nội tại của bản thân văn học tới kinh đô phú, cũng như Chương 3 vì đi sâu khảo sát văn bản

tác phẩm từ đó khái quát một số đặc điểm của kinh đô phú nói riêng, phú thể vật nói chung, nên chúng tôi nghiêng về vận dụng phương pháp tiếp cận thi pháp học. Ngoài hai phương pháp tiếp cận chủ yếu trên, khi quan sát sự tương tác giữa văn cảnh xã hội, văn cảnh văn hóa - văn học và tác giả, người đọc trong tư cách người tiếp nhận, chúng tôi lại tìm lời giải thích từ góc nhìn của mỹ học tiếp nhận; hoặc khi cần giải thích “sự khó hiểu” của hình thức nghệ thuật nào đó, chúng tôi lại viện đến cách lý giải của văn hóa học. Ở bình diện thao tác, chúng tôi sử dụng phổ biến các phương pháp như thống kê, phân loại, mô tả, phân tích, đối sánh, diễn dịch, quy nạp. Vì đối tượng nghiên cứu thuộc về một thời kỳ lịch sử xa xưa của Trung Quốc, nên chúng tôi cũng học tập và tiếp thu phương pháp nghiên cứu của cách ngành học thuật truyền thống rất có bề dày như văn tự học, văn hiến học, văn thể học, tu từ học.

3. Phạm vi nghiên cứu và phạm vi tư liệu:

- Phạm vi nghiên cứu: bước đầu giới hạn trong các vấn đề trực tiếp liên quan đến kinh đô phú đời Hán (qua hai tác phẩm của Ban Cố và Trương Hành) như văn cảnh xã hội - văn hóa và truyền thống văn học trước và trong đời Hán, những tìm tòi của giới phú học về kinh đô phú, những thành tựu nghiên cứu về tác phẩm kinh đô phú đời Hán, các tư tưởng triết mỹ chi phối cách thể hiện nghệ thuật trong tác phẩm của Ban Cố và Trương Hành.

- Phạm vi tư liệu: trực tiếp là các dạng thức văn bản khác nhau của hai tác phẩm trên như cổ bản, hiệu khảm, hiệu đính, chú giải, kim dịch v.v; hay sách báo tạp chí nói về kinh đô phú, nhất là *Lưỡng đô phú* và *Nhị kinh phú*; gián tiếp là các tác phẩm kinh đô phú khác ở đời Hán và một vài tác phẩm phú thể vật ở đời Hán.

4. Kết cấu của Luận văn:

Ngoài Mở đầu và Kết luận, chúng tôi kết cấu Luận văn thành ba chương nhằm lần lượt từng bước, hết như cách thức “thể vật” của phú nhằm hướng tới đối tượng nghiên cứu chính. Trong đó:

- Chương 1 (21 trang): mô tả và lý giải những ảnh hưởng và tác động của các nhân tố bên ngoài văn học (nhân tố ngoại sinh) tới phú thể vật nói riêng, Hán phú nói chung.

- Chương 2 (23 trang): mô tả và cắt nghĩa ảnh hưởng tác động của truyền thống văn học trước và trong đời Hán cũng như sự tiếp nhận của phú gia đối với thành tựu của văn học truyền thống thể hiện trong phú tác, nhất là trong *Lưỡng đô phú* và *Nhị kinh phú*.

Chương ba (19 trang): trực tiếp mô tả, phân tích *Lưỡng đô phú* và *Nhị kinh phú*, qua đó khái quát một số đặc điểm văn thể tiêu biểu của kinh đô phú đời Hán.

Ngoài ra, Luận văn còn có Phụ lục 1: phiên dịch - chú giải toàn bộ *Lưỡng đô phú* của Ban Cố, Phụ lục 2: khảo sát vần nhịp và hình thức vận tán đan xen trong *Lưỡng đô phú* và *Tây kinh phú* (tức phần đầu *Nhị kinh phú* của Trương Hành). Phiên dịch và chú giải *Nhị kinh phú* vì chưa hoàn chỉnh, nên chúng tôi tạm gác lại.

5. Thuận lợi và khó khăn:

- Thuận lợi: thành tựu nghiên cứu về đối tượng nhiều, không chỉ ở TQ mà còn ở các nước khác; tổng thuật đối tượng nghiên cứu rất đầy đủ; mẫu được chọn để khảo cứu là văn bản tác phẩm được bảo tồn nguyên vẹn đến nay, được giới phú học các đời tuyển chọn, chú giải, phiên dịch. Đó là cơ hội giúp chúng tôi học tập, nghiên cứu.

- Khó khăn: dễ bị chìm ngập trong đồng tư liệu nghiên cứu khổng lồ của giới phú học; dễ sa vào tình trạng “phát hiện lại châu Mỹ”, phải đối mặt với những định kiến và cả những định luận tồn tại trước nay; không dễ bộc lộ và khẳng định chủ thể nghiên cứu và cuối cùng là phú tác rất khó đọc v.v.

6. Đóng góp của Luận văn:

- Phác họa bức tranh nghiên cứu thể phú ở TQ tại VN (được thực hiện ở phần Mở đầu - qua tổng thuật của học giả TQ).

- Bước đầu lý giải sự ảnh hưởng và tác động của những nhân tố ngoại sinh và nội sinh đối với sự hình thành, diễn biến của phú kinh đô đời Hán.

- Phiên dịch - chú giải *Lưỡng đô phú* và *Nhị kinh phú* (chưa hoàn chỉnh), qua đó khái quát một số đặc điểm văn thể và nghệ thuật biểu hiện của kinh đô phú, đặt nền tảng cho việc tiếp tục nghiên cứu Hán phú.

Sau đây, chúng tôi tóm tắt cách thức và kết quả nghiên cứu ở ba chương chính của Luận văn:

CHƯƠNG 1: NHỮNG TÁC ĐỘNG NGOẠI SINH

Chương này, chúng tôi đặt đối tượng nghiên cứu vào dòng chảy của lịch sử, để quan sát kinh đô phú đời Hán trong mối quan hệ tác động của các nhân tố ngoại sinh¹, từ đó nhận thức quá trình ra đời, định hình và diễn biến của nó. Lịch sử nghiên cứu kinh đô phú đời Hán ở Trung Quốc cho thấy, những định kiến xoay quanh hiện tượng văn học này, ngoài thiên kiến cá nhân và những mục đích ngoài văn học ra, thì chủ yếu xuất phát từ việc tách đối tượng nghiên cứu ra khỏi văn cảnh xã hội và văn hóa, xem xét đối tượng như một yếu tố đơn lẻ riêng rẽ. Viết phần này, chúng tôi cố gắng tránh sa vào cách trình bày liệt kê đơn giản, chú ý đúng mức tác động của những nhân tố ngoại sinh tới tác giả và “độc giả”. Chương này sẽ đi sâu tìm hiểu và giải đáp câu hỏi: sự ra đời của kinh đô phú đời Hán là tất yếu khách quan, hay chỉ là “cận bã” của chế độ phong kiến đời Hán?

Nhìn nhận kinh đô phú đời Hán như một hiện tượng văn hóa, chúng tôi đã vận dụng phương pháp xã hội học văn học Mác-xít, tìm hiểu một số nhân tố bên ngoài văn học (trong mối quan hệ với những nhân tố của bản thân văn học), đó là:

1- Sự ra đời của đế chế Đại Hán và sự hình thành của cục diện đại nhất thống.

2- Kinh học Nho gia và các học phái tư tưởng - học thuật khác (như tư tưởng Đạo gia, bộ môn nghiên cứu văn tự gọi là *tiểu học*, hay phong khí học thuật ở “tiểu triều đình” của các phiên vương đời Hán v.v).

3- Văn hóa, tôn giáo và tín ngưỡng.

Cách trình bày của chúng tôi là chú ý tới những khía cạnh trong từng nhân tố có những tác động đến chủ thể tiếp nhận là phú gia, qua đó thể hiện trên phú tác.

1. **Đế chế Đại Hán** ra đời chấm dứt thời kỳ chiến loạn, mở ra thời kỳ thái bình thịnh trị đã tạo cho sĩ nhân niềm tự hào dân tộc, lòng tin vào bản thân, khát vọng sự nghiệp, tràn đầy lý tưởng; điều đó không chỉ in đậm trong những lời ngợi ca hoa mỹ (trong *Tây đô phú*), mà còn thể hiện một cách lộ liễu trong những hư cấu theo phương thức lý tưởng hóa hiện thực (trong *Đông đô phú*), nhịp điệu “bất thường” trong tâm hồn phú gia đã khiến những câu văn tản thả dập dề vận nhịp tiết tấu, đối ngẫu du dương.

Khi trình bày về **cục diện đại nhất thống**, chúng tôi chú ý tác động của nó đến quá trình chuyển biến của tầng lớp sĩ nhân, từ loại hình kẻ sĩ làm thầy, làm tri kỷ của quân vương thời Chiến quốc, sang loại hình văn nhân thị tòng, bị quân vương và người đời coi là con hát. Điều đó một mặt tác động đến quá trình cung đình hóa thể phú, thể hiện ở nội dung ngợi ca đế nghiệp đế công và diêm tô triều đại của ông ta, ngôn ngữ phô thái si văn, phong cách phô trương dương lệ; mặt khác cũng hé lộ những biểu hiện phức tạp về tư tưởng của phú gia khi thể hiện chủ đề phúng gián.

2. Địa vị độc tôn của Kinh học Nho gia và sự tồn tại của các học phái tư tưởng khác, đặc biệt là Đạo gia và Tiểu học ở đời Hán cũng được chú ý mô tả trong quan hệ với phú gia và phú tác. Phú gia thời kỳ này thể hiện rõ tính chất quan liêu hóa về địa vị, chính thống hóa về mặt tư tưởng, điều đó ảnh hưởng trực tiếp đến phú luận và phú tác. *Thi kinh* được đề cao khiến ý kiến “phú giả, cổ thi chi lưu dã” của Ban Cố trong *Lưỡng đô phú tự* không còn thuần nhất tính chất học thuật. Phú tác của họ không chỉ nội

¹ **Ngoại sinh** nói ở đây và **nội sinh** nói ở chương sau là hai khái niệm được chúng tôi dùng để chỉ mối quan hệ tương tác giữa các nhân tố bên ngoài văn học và bản thân văn học với đối tượng nghiên cứu của Luận văn là *Kinh đô phú đời Hán*.

dung tư tưởng in đậm ảnh hưởng quan niệm văn học Nho gia, mà ngay cả nghệ thuật biểu hiện cũng thấm đậm tinh thần tụng ca và phúng gián theo quan niệm đó. Phú kinh đô là con đẻ của môi trường văn hóa đó, cũng là biểu hiện cho sự ảnh hưởng toàn diện và sâu sắc nhất, nên từ dung lượng (cỡ lớn), bố cục (đối sánh Đông - Tây), đến cách mô tả (dở hay, xấu tốt), bộc lộ thái độ (phê phán - ngợi ca) đều in đậm dấu vết ảnh hưởng của Kinh học Nho gia. Đạo gia và các học phái tư tưởng khác từng sôi nổi thời Chiến quốc và đầu đời Hán, trong tình hình đó đã lui xuống địa vị thứ yếu trong cấu hình tư tưởng của phú gia, còn phú tác thì chỉ lưu lại chút ít thành tựu văn học trong các trước tác tản văn triết học của họ. Ngoài ra, ở phần này, chúng tôi cũng đề cập đến ngành học thuật nghiên cứu về văn tự, đó là *tiểu học*. Nghiên cứu văn tự học và trước tác văn học là hai việc khác nhau, song do phú gia đời Hán nhiều người đồng thời là nhà văn tự học (trong đó có các tác gia phú thể vật nổi tiếng nhất như Tư Mã Tương Như, Dương Hùng, Ban Cố, Trương Hành), còn phú tác với đặc điểm quan trọng là “phô thái si văn, thể vật tả chí”, nên quan hệ của tiểu học tới phú tác là không thể không xảy ra. Những tác phẩm kinh đô phú cỡ lớn do những bộ óc bách khoa của thời đại trước tác trong thời gian hàng chục năm như *Nhị kinh phú*, về logic là không tránh khỏi việc dùng “kỳ từ dị tự”. Từ điển văn tự vừa cung cấp từ vựng vừa giúp phú gia chuẩn hóa chữ viết. Trước yêu cầu “phô thái si văn”, có phú gia còn sáng tạo từ mới chưa có trong từ điển.

3. Đế chế Đại Hán và cục diện đại nhất thống không chỉ tạo tiền đề mà còn quy định sự dung hợp văn hóa. Sĩ nhân đời Hán không còn là đại diện cho học phái và dần dần đã thoát khỏi sự biệt lập vùng miền. Tư duy đại nhất thống và sự dung hợp văn hóa diễn ra khiến những mô tả trong kinh đô phú vừa đại toàn vừa hoàn bị, thể hiện rõ xu hướng thống nhất, cả về lãnh thổ, văn hóa và văn học. Cũng như thế, tôn giáo và tín ngưỡng ở đời Hán cũng có xu hướng dung hợp và được chính trị hóa, đặc biệt là tôn giáo. Điều đó lý giải nội dung “thiên tử hành đại lễ” được mô tả phổ biến trong phú thể vật đời Hán, trong đó có *Lưỡng đô phú* và *Nhị kinh phú*. Thế giới thần tiên quý quái trong tín ngưỡng của các vùng miền cũng được dung hợp trong môi trường văn hóa đại nhất thống, trở thành chất liệu giúp phú gia tạo nên thế giới nghệ thuật lạ kỳ, độc đáo.

CHƯƠNG 2: NHỮNG TÁC ĐỘNG NỘI SINH

Nối tiếp những nghiên cứu ở chương một, ở chương này, chúng tôi muốn đi sâu tìm hiểu ảnh hưởng của quan niệm văn học (trong đó có phú luận đời Hán), cũng như logic phát triển nội tại của văn học trước đó, nhằm khẳng định sự ra đời của kinh đô phú nói riêng và thể phú nói chung ở đời Hán là một tất yếu khách quan. So với chương trước, chương này sử dụng góc nhìn tiệm cận đối với đối tượng nghiên cứu.

Chương này chúng tôi trình bày hai vấn đề lớn, đó là:

- 1- **Quan niệm văn học**, trong đó có quan niệm văn học Nho gia, Đạo gia và phú luận đời Hán.
- 2- **Truyền thống văn học**, trong đó đề cập đến một số thành tựu văn học tiêu biểu như *Thi kinh*, *Sở từ* và tản văn Tiên Tần.

1. Viết về quan niệm văn học của Nho gia và Đạo gia, chúng tôi chú ý đến quan niệm thẩm mỹ của hai triết thuyết này và ảnh hưởng của nó tới phú tác. Ở đời Hán, do sự quy định của môi trường văn hóa đại nhất thống và sự chi phối của Kinh học Nho gia, nên quan niệm Nho gia giữ địa vị quan phương chính thống, ảnh hưởng sâu sắc tới phú luận và phú tác suốt từ giữa Tây Hán đến giữa Đông Hán. Phú luận thì lấy tiêu chuẩn thẩm mỹ của Nho gia để khen chê, còn phú tác thì không tránh khỏi mô phỏng, khuôn sáo. Quan niệm văn học của Đạo gia ảnh hưởng tới Hán phú chủ yếu xảy ra ở đầu và cuối đời Hán. Tuy nhiên, có những khía cạnh liên quan đến sáng tác như lý tưởng thẩm mỹ của Đạo gia và thành tựu nghệ thuật trong trước tác của Trang Tử lại được phú gia tiếp thu sử dụng. Chúng ta nhận ra,

lý tưởng thẩm mỹ “cự đại”, quan niệm thời không vô hạn vô cùng và phong cách lãng mạn trong phú tác của Tư Mã Tương Như, Dương Hùng v.v, rõ ràng là tiếp thu từ vũ trụ quan Đạo gia và trước tác của Trang Tử. Thành phần hư cấu, khoa trương, hay các đặc điểm mà phú luận gia phê phán trên lập trường tư tưởng Nho gia như “khuyến bách phú nhất”, “ngu duyệt nhĩ mục”, cũng là biểu hiện ảnh hưởng của quan niệm văn học Đạo gia.

Phú luận đời Hán được coi là biểu hiện của tính tự giác trong văn học thời kỳ này. Không chỉ học giả văn nhân như Tư Mã Thiên, Dương Hùng, Lưu Hưởng, Ban Cố, Trương Hành, Vương Sung v.v, mà các vị hoàng đế như Hán Vũ Đế, Hán Tuyên Đế cũng có những bài luận về phú. Đa số phú luận gia đồng thời là phú gia nên ảnh hưởng đối với phú tác rất sâu sắc. Trong các vấn đề mà phú luận đề cập, thì **phúng gián** được coi là tiêu điểm, được thảo luận sôi nổi nhất. Nó cũng là vấn đề nhạy cảm thể hiện quan hệ giữa hoàng đế và văn nhân. Hoàng đế thì ngoài mặt tỏ ra đề cao phúng gián, song trong lòng lại ưa thích những lời tụng ca. Phú gia lại cố đi tìm địa vị và nhân cách của mình ở chủ đề này. Do tính chất phức tạp của mối quan hệ tác giả - người đọc này mà phú gia phải cậy đến những lời khuyên “mỹ thích tỉ hứng”, “chủ văn nhi quyết gián” của Kinh học Nho gia (trong *Mao thi tự*). Tuy nhiên, nếu từ góc độ văn học mà xét, thì quan niệm về phú của hoàng đế lại có lợi cho sự phát triển của văn thể này.

2. Truyền thống văn học được coi là nhân tố nội sinh gần gũi nhất quy định sự hoàn nguyên và sáng tạo của Hán phú. Trước khi thể phú ra đời, văn học Trung Quốc đã trải qua một thời kỳ hình thành và diễn tiến khá dài, sáng tạo nên những giá trị văn học đa dạng phong phú; tuy nhiên chúng tôi tập trung đề cập đến ba thành tựu tiêu biểu:

- **Thi kinh.**
- **Sở từ và tác phẩm của Khuất Nguyên.**
- **Tản văn Tiên Tần.**

Khi trình bày về ba thành tựu trên, chúng tôi vừa chú ý đến phẩm chất của khách thể vừa chú ý đến vai trò của chủ thể tiếp nhận. Hán phú là giai đoạn ý thức tự giác bắt đầu phát triển, hơn nữa sống trong môi trường văn hóa đại nhất thống, phú gia đời Hán đã tích cực tiếp thu thành tựu của văn học đời trước, hình thành nên diện mạo văn học thời đại mình.

- Viết về *Thi kinh*, chúng tôi mô tả và nhận diện một số đặc điểm của thủ pháp phú trong quan hệ với văn thể phú ở đời Hán. Chẳng hạn, ở *Thi kinh*, thủ pháp phú có đặc điểm: thể hiện tính chất thứ tự lớp lang, tầng thứ phân minh khi mô tả; tuy nhiên điều chúng tôi chú ý là sự bành trướng của thủ pháp phú trong những bài thơ kể chuyện lập quốc ở phần Đại Nhã và Tung. Ngoài ra, *Thi kinh* còn sáng tạo nên kho từ vựng phong phú, tạo cơ sở cho sự phát triển của ngôn ngữ văn học sau này.

- Sở từ là nguồn gốc gần nhất của thể phú, *Ly tao* của Khuất Nguyên được coi là tác phẩm trữ tình tiêu biểu nhất của Sở từ. Do vậy, chúng tôi chọn tác phẩm này để phân tích, nhằm làm nổi bật thành tựu văn học của Sở từ. Chúng tôi cho rằng, ở *Ly tao*, tuy thủ pháp tỉ rất đặc sắc, song thủ pháp phú vẫn là nền tảng, vừa đóng vai trò tự thuật, vừa trữ tình. *Ly tao* thực chất là bài thơ trữ tình nên thành phần tự thuật ít; tuy nhiên có một điểm đáng lưu ý, đó là tác giả đã mượn hình thức đối vấn của tản văn để kết cấu tác phẩm. Mặc dù không dùng để kết cấu toàn bài, song điều đó cho thấy sự thâm nhập giữa các thể loại, sự phổ biến của hình thức kết cấu đối thoại. Ngôn từ phong phú hoa lệ của Sở từ sau này cũng được phú gia tiếp thu trong phú tác. Kinh đô phú tiếp thu Sở từ, song không mô phỏng toàn bộ hình thức của nó.

- Ngoài thơ ca, tản văn Tiên Tần cũng là thành tựu đặc sắc. Tuy ý thức tự giác chưa cao, song tản văn Tiên Tần rất giàu tính văn học. Một vài trước tác tản văn triết học của “các nhà” như *Mạnh Tử*, *Hàn Phi Tử*, *Liệt Tử*, đặc biệt là *Trang Tử* đã có những sáng tạo văn học độc đáo như hư cấu nhân vật, kết cấu tác phẩm bằng đối thoại, hình thức ngụ ngôn, hay cú pháp bài tỉ, đối ngẫu v.v. Kinh đô phú đời Hán có không ít dấu vết của tản văn *Trang Tử*, kể cả những câu bài tỉ đối ngẫu 3 chữ, 4 chữ.

CHƯƠNG 3: ĐẶC ĐIỂM VĂN THỂ

Chương này được coi là chương chính của Luận văn. Những khía cạnh về đặc điểm văn thể của phú kinh đô đời Hán (quan sát từ *Lưỡng đô phú* của Ban Cố và *Nhị kinh phú* của Trương Hành) sẽ được nhận diện, mô tả chủ yếu từ cách tiếp cận thi pháp học. Chương này có nhiệm vụ không chỉ nhận diện nội dung được mô tả, mà còn chủ yếu và quan trọng hơn là cố gắng chỉ ra cách thức thể hiện những nội dung đó. Viết chương này, chúng tôi nhằm khẳng định, sự ra đời và lưu biến của kinh đô phú là một tất yếu khách quan, phù hợp với quy luật của đời sống và quy luật phát triển của văn hóa - văn học nghệ thuật, từ đó tránh được những suy nghĩ lệch lạc về kinh đô phú nói riêng, phú thể vật đời Hán nói chung; hơn nữa cũng khẳng định địa vị đáng có của thể phú trong lịch sử văn học Trung Quốc.

Chúng tôi dùng khái niệm văn thể theo quan niệm của học giả Chữ Hán Kiệt trong cuốn *Trung Quốc cổ đại văn thể khái luận* (Bắc Kinh Đại học Xuất bản xã, 1990), chỉ thể tài, thể chế của văn học. Khái niệm này có nhiều điểm tương đồng với khái niệm thể loại chúng ta dùng hiện nay. Ở TQ, khái niệm này còn được dùng để chỉ phong cách. Chúng tôi sử dụng khái niệm văn thể theo văn luận TQ cho phù hợp với đối tượng nghiên cứu.

Phú kinh đô không phải chỉ có 4 đặc điểm như Luận văn khái quát, song 4 đặc điểm này có tính tiêu biểu và ổn định, không chỉ giúp ta nhận diện văn thể mà còn chứa đựng chiều sâu văn hóa:

- **Về kết cấu:** chủ khách vấn đáp và đối xứng không gian.
- **Về cấu trúc ngôn ngữ:** vận tán đan xen.
- **Về đối tượng mô tả:** “thể vật tả chí”.
- **Về đặc điểm ngôn từ:** “phô thái si văn”.

1. Chủ khách vấn đáp là phương thức kết cấu phổ biến trong tác phẩm kinh đô phú. Như trên đã nói, chủ khách vấn đáp đã có từ trước, được dùng trong cả tản văn và thơ ca. Có thể nói về sự biến đổi cả về hình thức lẫn nội dung khi nó được dùng để kết cấu phú tác. Mỗi liên hệ với thực tại mờ dần, tính chất hư cấu tăng lên, do vậy chúng tôi dùng từ “giả vờ” để chỉ đặc tính của nó. *Lưỡng đô phú* hư cấu cuộc đối thoại giữa hai nhân vật là Tây Đô tân và Đông Đô chủ nhân, còn *Nhị kinh phú* “bịa” ra cuộc đối thoại giữa Bằng Hư công tử và An Xứ tiên sinh. Cả 4 nhân vật này đều là loại nhân vật “không ai cả”. Dù vậy, tính chất thắng thua trong các cuộc tranh biện trước kia vẫn được giữ lại, mà thường thì “chủ” thắng - “khách” thua. Thành phần “thể vật” của phú tác được lồng vào bộ khung tự sự đó, nên không hoàn toàn được mô tả khách quan nữa, mà thường ẩn chứa ý thức phê phán. Theo logic ấy, Tây Đô (Tây kinh) Trảng An lẽ ra là tả thực, song vì tả để phê phán, nên có phần quá khoa trương vẻ tráng lệ xa xỉ. Tương tự như thế, Đông Đô (Đông Kinh) Lạc Dương càng được lý tưởng hóa, mô tả hoàng đế, vương triều và kinh đô y hệt hình dung của học thuyết Nho gia. *Nhị kinh phú* của Trương Hành còn dựa vào bộ khung tự sự đó để đem những mô tả về Tây Kinh xa xỉ gấp bội mô tả Tây Đô của Ban Cố nhằm ám chỉ bóng dáng của cả Đông Kinh, qua đó ngầm phê phán cả Đông Kinh.

Đi liền với chủ khách vấn đáp, còn có phương thức đối xứng (thực ra là ngầm đối lập) không gian Tây - Đông để kết cấu tác phẩm. Trong phú thể vật, phương thức này từng được Tư Mã Tương Như sử dụng trong *Thiên tử du liệt phú* nhằm đối lập thiên tử và chư hầu. Đến kinh đô phú, phương thức này chủ yếu dùng để đối lập dở - hay, xấu - tốt (xa xỉ - kiệm ước, tráng lệ - pháp độ).

2. Vận tán đan xen là đặc điểm được nhận biết qua việc đọc văn bản. Chưa nghiên cứu phú, ai ai cũng biết đặc điểm này, bởi nó được giới phú học TQ và VN khái quát từ lâu. Tuy nhiên, qua đọc kỹ văn bản tác phẩm, từ góc độ thi pháp học, chúng tôi đã góp phần cụ thể hóa và chỉ rõ đặc điểm độc đáo của cấu trúc ngôn ngữ này. Kinh đô phú không chỉ đan xen kết hợp vận tán ở tầm vĩ mô (đoạn) mà còn

ở tầm vi mô (câu). Tách nhỏ cấu trúc đó ra, chúng ta sẽ nhận ra, nó chưa đạt tới độ tinh tế của thơ lại không phải là thứ văn xuôi đích thực. Do vậy người ta cho rằng nó là hình thức trung gian của hai văn thể quan trọng là thi ca và tản văn. Kinh đô phú thường được học giới TQ gọi là **tản thể đại phú**, song gọi như vậy là chưa giúp người đọc liên tưởng đến đặc điểm vận tán đan xen, chưa “ghi nhận” đưa con vận văn đã trưởng thành ngay trong lòng bà mẹ tản văn, lại khá mơ hồ khi hình dung về chữ “đại”, do vậy ở Luận văn này, chúng tôi gọi là **phú thể vật**. Qua khảo sát kỹ, chúng tôi thấy, thành phần tản văn có xu hướng đôi ngẫu, còn thành phần vận văn thì bên cạnh đặc điểm gần gũi với tản văn lại có xu hướng thơ hóa, các câu vận văn rất đa dạng, phong phú, chính ở đây người ta nhận ra một phòng thí nghiệm lớn (nói bỗ bã theo kiểu cực đoan hóa như Nguyễn Huy Thiệp - thì đó là cái “nồi lẩu”) về ngôn ngữ, trong đó chất liệu trong văn học truyền thống là rất đầy đủ, từ *Thi kinh*, Sở từ đến những câu bài tử 3, 4 chữ trong tản văn *Trang Tử*. Từ đó, chúng tôi tạm kết luận: cấu trúc ngôn ngữ trong kinh đô phú (qua phú tác của Ban Cố và Trương Hành) có sự kết hợp giữa tản văn và vận văn, trong đó tản văn là nền tảng, là “người mẹ phồn thực”, còn vận văn là “hoa của đất”, là “đứa con khỏe mạnh đầy sức sống”. Sự kết hợp này tương đối hài hòa ở kinh đô phú nói riêng, phú thể vật nói chung và nó có phần nghiêng lệch ở phú tả chí.

3. Đối tượng mô tả của kinh đô phú nằm ngay ở tên gọi của thể tài này. Do vậy, nó liên quan đến mệnh đề giải thích “phú” của Lưu Hiệp (*Văn tâm điều long*): “thể vật tả chí”. Trước tiên, chúng tôi đưa ra cách hiểu của mình về mệnh đề liên quan đến đối tượng mô tả của phú, luận giải về nó trong mối quan hệ với thực tế sáng tác là hai phú tác kinh đô tiêu biểu của Ban Cố và Trương Hành. Tiếp theo, chúng tôi nói rõ cái gọi là “vật” được mô tả trong kinh đô phú: nó không chỉ có sự vật thiên phú nhân tạo ở kinh đô, mà còn có chủ nhân - linh hồn của kinh đô. Phú gia đã dựa vào những đối tượng vừa tĩnh vừa động đó để thêu hoa dệt gấm theo ý đồ “thể vật” của mình. Chính những đối tượng mô tả này đã tạo cơ hội cho phú gia thể hiện tất cả tài học và tài năng văn chương của mình. Chính thể giới ảo đó đã giúp phú gia “bao trùm thời không - thấu tóm người vật” (Tư Mã Tương Như: “bao quát vũ trụ, tổng lãm nhân vật”) và mô tả đến mức “cùng cực”, “không thể thêm gì được” (Dương Hùng: “sử nhân **bất năng gia dã**”).

4. Hô ứng với đặc điểm “thể vật” ở trên là đặc điểm ngôn từ “phô thái si văn”, tức phô bày vẻ phong phú đến mức thừa thãi, đẹp đẽ đến mức lộng lẫy của ngôn từ. Sự phong phú giàu có được thể hiện trước hết là ở số *lượt chữ* được phú gia sử dụng. *Lưỡng đô phú* đếm được 4702 lượt chữ, còn *Nhị kinh phú* thì gồm 7696 lượt, tức gần gấp đôi. Nếu chúng ta thống kê được số chữ trong hai bài đó rồi đem đối sánh với *Thuyết văn giải tự* của Hứa Thận hay trước tác tiểu học thời đó, thì kết quả sẽ khá thú vị. Thứ nữa là hiện tượng chất chồng, hay đan cài chằng chịt rồi rít từ ngữ:

Trong *Tây đô phú*, đoạn mô tả cung Chiêu Dương đã liên tục dùng tới 30 cụm từ 4 chữ; còn đoạn mô tả cung Thần Minh lại dùng 19 dòng theo hình thức Sở từ để miêu tả. Đó là chưa kể đến đoạn lớn nhất mô tả trường cảnh vui chơi, săn bắn gồm 144 dòng vừa vận văn 3 - 4 chữ, vừa hình thức Sở từ 5 - 6 chữ, lại đan xen với tản văn đôi ngẫu; trong đó riêng một đoạn nhỏ mô tả về săn bắn, tác giả đã dùng đến 10 cụm từ 3 chữ xen kẽ với 2 dòng 4 chữ: “**k**í phiêu giáo, **á**ch mãnh phệ; **thoát** giác toả đậu, **đồ** bác độc sát; **hiệp** sư báo, **tha** hùng li, **duệ** tê mao, **đồn** tượng bì; **siêu** động hác, **việt** tuần nhai, **quệ** tâm nham, **cự** thạch đới; **tùng** bách phác, **tùng** lâm tòi” (tóm thú tinh khôn, bắt sống thú dữ; nắm sừng bẻ cổ, bắt giết tay không; cấp sư báo, tóm hùng li, kéo tê mao, tóm tượng bì; vượt qua hang thẳm, băng qua núi cao, núi non ngả nghiêng, đá lớn sụp đổ; áp đảo từng bách, ầy đổ rừng cây). Hay đoạn mô tả hoạt động ở hậu cung, tác giả đã “chất chồng” tới 20 cụm từ 3 chữ: “thừa trạm **lộ**, đăng long **chu**, trương phượng cái, kiến hoa **kì**, khu phủ **duy**, kính thanh **lưu**; mỹ vi phong, đàm đàm **phù**; trạo nữ âu, cổ xuy chấn, thanh khích việt, doanh lệ **thiên**; điều quần tường, ngư khuỵ **uyên**; chiêu Bạch **Nhàn**, hạ song **hộc**, du văn **can**, xuất tử **mục**; phủ hồng xung, ngự tăng **chước**” (cuối xe trạm, lên thuyền rồng, giương lọng phượng, dựng cờ màu, buông màn trướng, soi dòng trong; theo gió nhẹ, kệ nổi trôi; gái chèo hát, trống dặt dìu, thanh cao vút, tận trời mây; chim chao

lợn, cá nấu mình; kéo Bạch Nhàn, thiên nga rụng; giò cần đẹp, câu cá ngon, giữ lưới bắt, nắm dây tên; hai thuyền rẽ nước, cúi ngẩng hoan hân). Điều đó cho thấy vốn từ ngữ phong phú và sự quan sát tinh tế của tác giả.

Tiếp theo, chúng tôi đề cập đến khía cạnh về đẹp của ngôn từ trong kinh đô phú, đó là hình thể và âm thanh. Đặc điểm này cũng được Lưu Hiệp đề cập trong *Văn tâm diệu long*: “cực thanh mạo dĩ cùng văn” (phô bày hết mức về đẹp của ngôn từ để thể hiện tận cùng thanh âm màu sắc). Những đoản ngữ khi 3-4 chữ, khi 5-6 chữ được ngắt nhịp đều đặn và gieo vần ở chữ cuối, những đoạn tản văn ngắn đan xen có hình thức đối ngẫu v.v đã đem lại vẻ đẹp âm thanh cho bản nhạc du dương đến tận phút chót. Tô điểm thêm cho bản nhạc đó là những bông hoa đủ màu được dệt nên bằng hình thể độc đáo của chữ Hán, loại hình văn tự có lẽ độc nhất vô nhị thể hiện được vẻ đẹp. Riêng ở phú loại văn tự này được phát huy đầy đủ nhất, đặc biệt là những chữ tượng hình. Điều đó khiến cho độc giả “ngu duyệt nhĩ mục”, không chỉ “vui tai” mà còn “thích mắt”.

KẾT LUẬN

1. Kinh đô phú nói riêng, phú thể vật nói chung là thể tài văn học tiêu biểu nhất ở đời Hán. Sự hình thành và định hình của nó gắn liền với sự ra đời của một trong những đế chế cường thịnh bậc nhất trong lịch sử Trung Hoa. Đế chế Đại Hán với cực diện chính trị văn hóa đại nhất thống và sự ưa thích của một số vị hoàng đế đã thúc đẩy nhanh chóng quá trình hình thành, cũng như quá trình văn nhân hóa và cung đình hóa của phú thể vật cỡ lớn, trong đó có du liệt phú, đại lễ phú và kinh đô phú. Những tác động rộng rãi và mạnh mẽ của thể chế chính trị trung ương tập quyền độc tôn Nho thuật, những ảnh hưởng vô cùng lâu dài và sâu sắc của Kinh học Nho gia, cùng những chế ước của các học phái tư tưởng sâu rễ bền gốc trong tư tưởng, học thuật và văn hóa Trung Hoa, đã khiến phú kinh đô nói riêng, phú thể vật nói chung phát triển đến mức cực thịnh ở đời Hán, trở thành văn thể đại diện cho văn học một thời. Cả khi hình thành cho đến lúc định hình rồi lưu biến, văn cảnh xã hội ở đời Hán luôn luôn giữ vai trò là bầu không khí hít thở của phú gia và không gian sinh tồn của phú tác. Tác động toàn diện và sâu sắc của nó không chỉ thể hiện ở đối tượng mô tả, mà còn ảnh hưởng cả đến kết cấu văn bản tác phẩm (hư cấu nhân vật đối thoại, đối xứng không gian), thủ pháp biểu hiện (mô tả đối lập) và ngôn từ (phô thái si văn, phô trương dương lệ) nữa.

2. Các nhân tố nội sinh như quan niệm văn học và truyền thống văn học có tác động chi phối trực tiếp và ảnh hưởng rất sâu xa. Hán là thời đại bắt đầu hình thành ý thức tự giác trong văn học. *Mao thi tự* ra đời và trước tác phú luận chịu ảnh hưởng của tư tưởng Nho gia xuất hiện đã khiến tư duy lý tính trong phú tác được nâng cao, chủ đề tư tưởng giàu màu sắc Kinh học. Quan niệm văn học của Nho gia và Đạo gia trong quá trình tương tác với các nhân tố ngoại sinh đã có những phân chia về thời gian và tầm ảnh hưởng. Nho gia tác động mạnh mẽ đến việc thể hiện chủ đề phúng gián, cũng như trong việc mô tả thế giới được lý tưởng hóa trong kinh đô phú. Các trước tác tản văn triết học giàu tính văn học như *Luận ngữ*, *Mạnh Tử*, *Trang Tử* không chỉ ảnh hưởng phú gia về mặt tư tưởng, mà còn cung cấp những chất liệu và thủ pháp nghệ thuật quý báu cho phú tác. Truyền thống văn học trước đời Hán tuy chưa giàu có được như đời sau, song cũng đã có những gợi ý bổ ích. *Thi kinh* ở phương Bắc, dân ca đất Sở ở phương Nam, trữ tình trường thiên của Khuất Nguyên, vẻ đẹp ngôn từ của Tống Ngọc, tản văn lịch sử giàu chất liệu thời Xuân thu, tản văn triết học mang đậm tính tư tưởng và nghệ thuật thời Chiến quốc v.v; tất cả đều là những viên ngọc quý đã được mài rũa thử thách qua thời gian, không chỉ làm cơ sở tiền đề cho những trước tác, mà còn là tấm gương mẫu mực cho việc sáng tạo văn thể ở đời Hán. Kinh đô phú nói riêng và phú thể vật đời Hán nói chung là thể tài có sức dung hợp rất cao. Những sáng tạo nghệ thuật trước đó ít nhiều đều được lựa chọn tiếp thu và tái hiện trong phú tác, khiến nó trở thành hiện tượng văn học độc đáo.

3. Về đặc điểm văn thể, phú kinh đô không chỉ có ba bốn khía cạnh như đã trình bày ở Chương 3; song đó là những khía cạnh nổi bật nhất. Hư cấu nhân vật, giả thiết đối vấn là hình thức được phú gia đời Hán

tiếp thu từ tản văn Tiên Tần. Nó được “hư hóa” và “nhật hóa” để gánh vác nhiệm vụ kết cấu tác phẩm; đồng thời góp phần giúp phú gia bộc lộ tư tưởng. Ở phú thể vật cỡ lớn như *Lưỡng đô - Nhị kinh*, hình thức này khi mờ khi tỏ, bao phủ lớp sương mờ lên những mô tả của toàn bộ phú tác. Cùng với hình thức đối thoại, phú gia còn sử dụng cách thức đối xứng không gian để kết cấu tác phẩm. Việc chia phú tác thành hai phần Tây - Đông, ban đầu ngỡ chỉ là cách mô tả có tầng thứ lớp lang, song khi đọc hết cả hai phần lại thấy phú gia đưa vào hình thức này chủ đề phúng gián. Ban Cổ đối lập Tây Đô xa xỉ, phóng túng với Đông Đô kiệm ước, giữ gìn pháp độ; Trương Hành bên cạnh đó còn thông qua mô tả Tây Kinh cùng xa cực xỉ mà kín đáo ám chỉ sự thực ở Đông Kinh đương thời mà tác giả không tiện nói ra, ý nghĩa phúng thích rất sâu sắc.

Hình thức đối ngẫu và vận nhịp của kinh đô phú dù không tinh tế như thơ sau này, song cũng khiến chúng ta nhận ra hình thức vận tản đan xen trong cấu trúc ngôn ngữ của phú tác. Cũng như đặc điểm thứ nhất, chúng ta có thể truy nguyên nguồn gốc của nó trong tản văn Tiên Tần, nhất là trong sách *Trang Tử*. Tuy nhiên, ở tản văn Tiên Tần, vận tản đan xen mới chỉ là hiện tượng tự phát thì đến kinh đô phú đời Hán, nó thực sự đã thành hiện tượng tự giác. Bài phú kinh đô nào cũng thấy sự hiện diện của vận tản đan xen, do vậy nó nghiêm nhiên trở thành đặc điểm quan trọng của thể tài này. Thành phần tản văn của nó không hẳn là tản văn, cũng thế thành phần vận văn của nó phần lớn chỉ là những câu tản văn được vận văn hóa. Phân tích cả cấu trúc lớn như đoạn lẫn cấu trúc nhỏ như câu, ta lại thấy trong bụng của tản văn đang “hoài thai” vận văn. Như vậy tính chất đan xen ở đây đạt đến độ hòa quyện, trộn lẫn. Xu hướng nghiêng về tản hóa hay vận hóa trong kinh đô phú, chúng tôi chưa có điều kiện khảo rộng, nên chưa dám nhận xét; song từ *Lưỡng đô* đến *Nhị kinh*, xu hướng vận hóa tỏ ra trội hơn. *Nhị kinh phú* của Trương Hành cỡ lẽ vì được mài rũa 10 năm trời, nên ở đó đã thấy xuất hiện những đoạn có âm thanh “đẹp” rất gần với thơ. Tuy nhiên, hình thức vô cùng tự do này (cả vận nhịp lẫn số chữ) mới là đặc điểm tạo nên sự khác biệt giữa phú với thi ca và tản văn.

Ngoài hai đặc điểm trên, phú kinh đô còn nổi bật với hai đặc điểm nữa là “phô thái si văn” và “thể vật tả chí”. Có thể nói, hai chữ “thể” và “phô” kết tinh nhiều nhất và thể hiện sâu xa nhất đặc điểm của phú thể vật. Nó cũng chính là hai đặc điểm quan trọng nhất của văn thể phú nói chung. Chủ khách vấn đáp phổ biến trong phú thể vật, nhưng có khi lại không thường thấy ở phú tả chí; phép đối xứng không gian hay lưỡng phân đông tây có nguy cơ “hóa thạch” trong phú kinh đô; vận tản đan xen cũng có khi biến đổi trong phú tả chí; chỉ có hai chữ “thể” (chỉ đối tượng mô tả của phú được khách thể hóa) và “phô” (chỉ đặc trưng ngôn ngữ hoa lệ phong phú) nằm trong hai mệnh đề giải thích về phú của Lưu Hiệp (*Văn tâm điêu long*) là mãi mãi trường tồn trong suốt lịch sử dài hàng ngàn năm của thể phú. Tuy nhiên, đó cũng mới chỉ là những nhận xét ban đầu, chủ yếu dựa vào thực tế khảo sát một vài văn bản tác phẩm kinh đô phú. Vấn đề có tính bản thể **phú là gì** vẫn rất cần những nỗ lực mở rộng và đi sâu tiếp theo.

4. Từ yêu cầu trực tiếp của đề tài nghiên cứu này, Luận văn của chúng tôi còn rất nhiều công việc phải làm:

- Trước hết cần tiếp tục công việc dịch chú và “đọc kỹ” văn bản tác phẩm, đạt đến độ “chủ khách bất phân”, để khi tách khỏi khách thể, có thể đạt kết quả tốt hơn khi tìm hiểu thể giới nghệ thuật trong *Lưỡng đô phú* và *Nhị kinh phú*, trên cơ sở đó mở rộng khảo sát ra phú thể vật đời Hán.

- Tiếp theo là việc tổng kết tri thức về từ khó, từ mới trong các văn bản phú kinh đô nói riêng, phú thể vật nói chung, từ đó hình thành *Bảng tra cứu* dạng tự điển, từ điển; thống kê lượt chữ, số chữ và từ loại theo những định hướng khoa học nhằm xác định độ phong phú của vốn từ cũng như cách thức sử dụng và hiệu quả thẩm mỹ; khảo sát cú pháp, chương pháp v.v, trên cơ sở đó chú giải văn bản tác phẩm chi tiết, kỹ càng hơn theo hướng thi pháp học và văn hóa nhân loại học, qua đó có thể xã hội hóa tri thức về phú thể vật đời Hán ở Trung Quốc, tạo tiền đề nghiên cứu phú Việt Nam.

- Lý giải các hiện tượng nghệ thuật từ cách tiếp cận văn hóa học. Có thể nói, hiện tượng văn học này đặt ra rất nhiều câu hỏi cần phải được lý giải thỏa đáng từ góc nhìn ngoài văn học; chẳng hạn như: thuật phong thủy thời cổ đại đã quy định thể nào đối với những mô tả về vị trí địa lý, về hình thể núi sông, về kiến trúc

cung điện, lầu gác của đế đô; vũ trụ luận Trung Quốc thời cổ đại và quan niệm âm dương ngũ hành v.v ảnh hưởng thế nào đến cách mô tả thời - không, tác động thế nào đến cách kết cấu đối xứng không gian? Những thắc mắc đó rất cần một sự thông diễn nhằm hoàn thiện hiểu biết về đối tượng nghiên cứu.

CÁC BÀI BÁO NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LUẬN VĂN ĐÃ CÔNG BỐ

1. *Kinh thi - một vài suy nghĩ về cách tiếp cận*, in trong sách *Những vấn đề về Hán Nôm học* (tập 1), Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2002, tr 286-294.
2. Từ “*tùng cúc do tôn*” (Đào Uyên Minh) đến “*hoa năm ngoái*” trong bài thơ **Thu vịnh** của Nguyễn Khuyến. In trên Tạp chí *Nghiên cứu văn học*, số 1/2004, trang 115-122.
3. Bài thơ **Cầm sắt** của Lý Thương Ẩn và tiếng đàn ở cuối **Truyện Kiều** của Nguyễn Du. In trên Tạp chí *Nghiên cứu văn học*, số 7/2007, trang 99-110.
4. *Thơ đăng lâm của Nguyễn Du - Cuộc hoàn nguyên và đối thoại siêu việt thời gian* (Qua một số tác phẩm trong *Bắc hành tạp lục* và *Đường thi*). In trên Tạp chí *Nghiên cứu Trung Quốc*, số 6/2007, trang 65-75.

Địa chỉ: Phạm Ánh Sao - Giảng viên Khoa Văn học, Trường Đại học KHXH & NV, ĐHQG Hà Nội - Số 336, đường Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội. ĐTNR: 04.3717465. ĐTDĐ: 0902.197.827.